TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 9 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phi H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2023, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phi H tự nguyện tìm

hiểu, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào tháng 02/1988 âm lịch, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do sau khi tổ chức đám cưới thì vợ chồng cùng đi làm thuê ở nhiều nơi, nên không có thời gian đi đăng ký kết hôn. Đến năm 2015 thì chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H quen biết người khác. Đến năm 2016 thì anh H chung sống với người khác nên chị L và anh H sống ly thân từ năm 2016 đến nay mà không hàn gắn được. Hiện nay, chị L không còn tình cảm với anh H và không muốn hàn gắn với anh H, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phi H có con chung tên Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/3/1989, Nguyễn Phi H1, sinh ngày 10/01/1992. Hiện nay cháu O, cháu H1 đều đã thành niên đủ 18 tuổi, tự lo được cho bản thân, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 17/9/2024, bị đơn anh Nguyễn Phi H trình bày*:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Phi H thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị L về quá trình chung sống với nhau từ năm 1988 mà không có đăng ký kết hôn như trên. Từ năm 2015 thì anh chị sống chung có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm mà không giải quyết được nên anh H và chị L sống ly thân từ năm 2016 đến nay; do đó, anh H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị L, đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh H thống nhất chị L và anh H có con chung tên Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/3/1989, Nguyễn Phi H1, sinh ngày 10/01/1992; hiện nay cháu O, cháu H1 đều đã thành niên đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống tự lập nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có thực hiện một phần nhưng vẫn chưa thực hiện đúng toàn bộ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Phi H. Về con chung: Chị L và anh H có con chung tên Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/3/1989, Nguyễn Phi H1, sinh ngày 10/01/1992 hiện nay đã thành niên đủ 18 tuổi, chị L và anh H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy khai sinh con chung (Bản sao);

- Biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị L ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình (Bản chính);

- Văn bản ngày 06/8/20245 v/v xác minh nơi cư trú đối với anh Nguyễn Phi H của Công an xã T (Bản chính);

- Đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị L ngày 12/82024 (Bản chính);

- Bản tự khai ngày 17/9/2024 của anh Nguyễn Phi H (Bản chính).

- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 17/9/2024 của anh Nguyễn Phi H (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Phi H cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Phi H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Phi H; anh H thống nhất ly hôn với chị L.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện*

theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Do đó, chị L và anh H chung sống với nhau từ năm 1988 mà đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Chị L và anh H xác định khi chung sống với nhau thì anh chị có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm mà không giải quyết được, nên anh chị không còn tình cảm với nhau, sống ly thân từ năm 2016 mà không hàn gắn, đoàn tụ tình cảm được.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*".

Do chị L và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H xác định anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/3/1989, Nguyễn Phi H1, sinh ngày 10/01/1992. Chị L và anh H đều không có yêu cầu giải quyết về con chung do cháu O, cháu H1 đã thành niên đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phi H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Phi H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L anh Nguyễn Phi H.

2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/3/1989, Nguyễn Phi H1, sinh ngày 10/01/1992 đều đã thành niên đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống tự lập, chị L và anh H đều không có yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phi H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006702 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Phi H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang